

Số: 2587/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 17 tháng 10 năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bãi bỏ thuộc  
thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải  
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 344/QĐ-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi và thay thế các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc rà soát, cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 70/TTr-SGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2017 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 280/STP-KSTTHC ngày 28 tháng 7 năm 2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bãi bỏ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước. (có danh mục và nội dung các thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục KS TTHC(VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC(TTHC16-15/9).

**KS CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Huỳnh Anh Minh*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BÃI BỎ THUỘC  
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG -  
VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2587/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI**

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Tên văn bản, nội dung sửa đổi
<b>A1. Nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công</b>				
<b>I. Lĩnh vực đường bộ</b>				
01	281027	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	7	Sửa đổi phần: - Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thời gian giải quyết. của Quyết định số - 1365/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh
02	281028	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	10	
03	281029	Đăng ký khai thác tuyến	15	
04	281030	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	23	
05	281031	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	27	
06	281032	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	30	
07	281033	Cấp phù hiệu xe nội bộ	33	
08	281034	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ	35	
09	281035	Cấp phù hiệu xe trung chuyển	37	
10	281036	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển	39	

11	281037	Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện	41
12	281038	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện	47
13	281039	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	50
14	281040	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện vận tải phi thương mại là xe công vụ, xe của các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao, xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái trừ phương tiện của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, văn phòng các Bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao đóng tại Hà Nội	54
15	281041	Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam	57
16	281042	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	61
17	281043	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	66
18	281044	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	71
19	281045	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	76
20	281046	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia	79
21	281047	Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp	83
22	281048	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	86
23	281049	Đổi giấy phép lái xe Quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	88
24	281050	Đổi GPLX hoặc bằng lái xe của nước ngoài	90
25	281051	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	94
26	281052	Cấp lại giấy phép lái xe	96

27	281053	Cấp lại giấy phép xe tập lái	99
28	281054	Thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo có đăng ký biển số tại tỉnh Bình Phước	102
29	281055	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đăng ký lần đầu	105
30	281056	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý	108
31	281057	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	112
32	281058	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	116
33	281059	Di chuyển quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng do Sở Giao thông vận tải quản lý	119
34	281060	Cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô	125
35	281061	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô	129
36	281064	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	131
37	281065	Cấp mới giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3	134
38	281066	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3	136
39	281067	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến	138
40	281068	Xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng	140
<b>II. Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>			
41	281069	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	143
42	281070	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	147
43	281071	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	151
44	281072	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	154

45	281073	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	156
46	281074	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	159
47	281075	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	162
48	281076	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	165
49	281077	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.	169
50	281078	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.	173

## **A2. Nhận và trả kết quả tại Sở Giao thông vận tải**

### **I. Lĩnh vực đường bộ**

1	281011	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý.	176
2	281012	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý	180
3	281013	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ đang khai thác được ủy thác quản lý	184
4	281014	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý	188
5	281015	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý	190
6	281017	Chấp thuận xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương và quốc lộ được ủy thác đang khai thác.	192
7	281018	Cấp phép thi công xây dựng công trình đường	194

		bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương và quốc lộ được ủy thác đang khai thác		
8	281019	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương và quốc lộ được giao ủy thác đang khai thác	196	
9	281020	Gia hạn Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương và quốc lộ được giao ủy thác đang khai thác	200	
10	281021	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý	202	
11	281022	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với các dự án xây dựng công trình giao thông	204	
12	281023	Thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án xây dựng công trình giao thông	209	
13	281024	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng	212	
14	281025	Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình	216	
15	281026	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	220	
<b>II. Lĩnh vực Đăng kiểm</b>				
1	281079	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	225	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**  
(*Nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh*)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Tên VBQPPL quy định
<b>Lĩnh vực đường bộ</b>				
1	T-BPC-283831-TT	Cấp mới giấy phép xe tập lái.	229	Nghị định 65/2016/NĐ-

				CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe
--	--	--	--	---

### C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định
<b>Lĩnh vực đường bộ</b>			Quyết định 1235/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ GTVT về việc công bố sửa đổi, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT
01	T-BPC-281062-TT	Cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, và A4.	
02	T-BPC-281063-TT	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, và A4.	



## **Phần II**

### **NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI**

#### **A1. NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG**

##### **I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

##### **01. Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác. Mã hồ sơ số: T-BPC-281027-TT**

###### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh bến xe hàng gửi hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh bến xe hàng; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

###### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác (*mẫu Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Sơ đồ mặt bằng tổng thể bến xe hàng;

+ Biên bản nghiệm thu các tiêu chí theo yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng theo quy định;

+ Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra vào bến xe hàng của cơ quan có thẩm quyền;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác (*mẫu Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đảm bảo quy định tại Điều 57 của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**PHỤ LỤC 29**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp,  
HTX:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA.....(tên bến xe hàng).....vào khai thác**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày.....tháng..... năm.....
6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT.....kiểm tra, xác nhận và công bố đưa.....(tên bến xe hàng) ..... thuộc tỉnh:..... vào khai thác. Cụ thể như sau:
  - Tên bến xe:.....
  - Địa chỉ:(1).....
  - Tổng diện tích đất: (2)..........(tên đơn vị).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Đại diện Doanh nghiệp, Hợp tác xã**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.
  - (2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.
-

## **02. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Mã hồ sơ số:**

**T-BPC-281028-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Đơn vị kinh doanh vận tải; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải;

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ);

+ Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Lệ phí:** 200.000 đồng/gấy phép.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Phải đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định tại Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Quyết định số 53/2013/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**PHỤ LỤC 1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên đơn vị** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KDVT:.....** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....  
....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP  
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp)  
số:..... do..... cấp ngày..... tháng.....  
năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
-.....  
-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

### **PHỤ LỤC 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên đơn vị KD vận tải: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /....., ngày..... tháng.....năm.....

### **PHƯƠNG ÁN**

#### **KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

#### **I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

#### **II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải**

##### **1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.**

##### **a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.**

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

##### **b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.**

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

**Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)



### **03. Đăng ký khai thác tuyến. Mã hồ sơ số: T-BPC-281029-TT**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi 01 bộ hồ sơ bằng fax, thư điện tử, trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập biên nhận cho doanh nghiệp, hợp tác xã; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ đăng ký khai thác tuyến và công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở các thông tin về: tên doanh nghiệp, hợp tác xã, tuyến, giờ xe chạy và thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ và trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở việc doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công hoặc không thành công. Trường hợp đăng ký khai thác tuyến không thành công, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nêu rõ lý do. Các thông tin liên quan đến đăng ký khai thác tuyến phải được Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ gửi cho Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia biết để đồng thời công bố trên Trang Thông tin điện tử;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký đầu tiên mà có từ 02 doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên (tính cho cả hai đầu tuyến) đăng ký khai thác trùng tuyến và giờ xe chạy thì trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo, Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử và thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã biết việc tổ chức lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Trường hợp chỉ có 01 doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đăng ký thành công được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở, doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký thành công nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu về Sở Giao thông vận tải để cấp phù hiệu xe chạy tuyến cố định. Hết thời hạn trên, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không nộp hồ sơ thì coi như doanh nghiệp, hợp tác xã tự hủy bỏ đăng ký;

- Bước 4: Kết quả đăng ký khai thác được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ bằng fax, thư điện tử, trực tiếp đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ :

+ Giấy đăng ký khai thác tuyến (*mẫu Phụ lục 2a ban hành kèm theo Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT*);

+ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (*mẫu Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định (*mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia, Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử hoặc Văn bản.

**h) Lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

+ Giấy đăng ký khai thác tuyến (*Phụ lục 2a ban hành kèm theo Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT*);

+ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (*Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định (*Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định;

Căn cứ quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Giao thông vận tải địa phương (đối với tuyến nội tỉnh) và Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến (đối với tuyến liên tỉnh) thống nhất và công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở biểu đồ chạy xe của từng tuyến do Sở Giao thông vận tải quản lý.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015;

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 2a**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên doanh nghiệp, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HTX: ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... /.....  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại (Fax): .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... do ...*(tên cơ quan cấp)*..... cấp ngày ...../...../.....
5. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến: .....
- Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)
- Bến xe đi:..... Bến xe đến:..... (3)
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: ..... giờ.... phút, vào các ngày.....
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đến: .....giờ.... phút, vào các ngày.....
- Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:.....
- Cự ly vận chuyển: .....km.
- Hành trình chạy xe:.....

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).*
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến.*
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.*

**PHỤ LỤC 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên doanh nghiệp,  
HTX:.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI  
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng..... theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng .....của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại.....(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ..... (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu.

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo nội dung tại mục 5.*

## PHỤ LỤC 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp,  
HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

-----

....., ngày..... tháng.....năm.....

## PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

### I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....

Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyên:.....km.

Hành trình:.....

### II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

**a) Chiều đi: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ....phút, vào các ngày.....

-....

**b) Chiều về: xuất bến tại:.....**

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ....phút, vào các ngày.....

-....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

**a) Chiều đi: xuất bến tại:.....**

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian	Thời gian
-------------	---------------	------------	---------	-----------	-----------

	nghỉ			đến	dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

**b) Chiều về: xuất bến tại:.....**

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

### III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2	...	...	...	...	...
	<b>Tổng cộng</b>				

### IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú

1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
	....			

## V. Giá vé và cước hành lý:

### 1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng.....

### 2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

### 3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

## VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:....., sức chứa:....., năm sản xuất

- Số lượng xe:.....

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
(Ký tên, đóng dấu)



**04. Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt. Mã hồ sơ số: T-BPC-281030-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Khi phù hiệu bị mất, bị hỏng, trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình;

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định tại khoản 12 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

+ Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện, Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến sau khi đã đăng ký khai thác tuyến thành công; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng số chuyến xe chạy trên tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 24**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Tên đơn vị vận tải:** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....  
....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
  2. Địa chỉ:.....
  3. Số điện thoại (Fax):.....
  4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....
- Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

**Đại diện đơn vị vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

---

**05. Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.  
Mã hồ sơ số: T-BPC-281031-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản đề đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình;

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kê quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định tại khoản 12 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

+ Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện, Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến sau khi đã đăng ký khai thác tuyến thành công; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng số chuyến xe chạy trên tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 04.***

---

**06. Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép. Mã hồ sơ số: T-BPC-281032-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Đơn vị kinh doanh vận tải; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyên cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Đối với trường hợp Giấy phép bị hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh kiểm tra, xác minh, cấp lại Giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;



+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh hết hạn, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị hỏng, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng;

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với trường hợp Giấy phép bị hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải .

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Lệ phí:** 50.000 đồng/lần cấp.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*); (đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh hết hạn).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Quyết định số 53/2013/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 02.**

---

## **07. Cấp phù hiệu xe nội bộ. Mã hồ sơ số: T-BPC-281033-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe nội bộ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị có xe ô tô vận tải nội bộ; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản đề đơn vị có xe ô tô vận tải nội bộ bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị có xe ô tô vận tải nội bộ đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải .

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện, Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** phù hiệu xe nội bộ.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 04.**

---

## **08. Cấp lại phù hiệu xe nội bộ. Mã hồ sơ số: T-BPC-281034-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe nội bộ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để đơn vị bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Đơn vị có xe ô tô vận tải nội bộ đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao kèm bản chính đề đòi chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải .

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện, Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** phù hiệu xe nội bộ.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 04.**

---

## **09. Cấp phù hiệu xe trung chuyên. Mã hồ sơ số: T-BPC-281035-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe trung chuyên gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho doanh nghiệp, hợp tác xã đang tham gia khai thác tuyến cố định; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản đề doanh nghiệp, hợp tác xã đang tham gia khai thác tuyến cố định bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết TTHC: nếu đầy đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở GTVT có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở GTVT trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết TTHC: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở GTVT nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở GTVT địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở GTVT nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở GTVT nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở GTVT trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở GTVT có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở GTVT trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở GTVT.

- Bước 4: Doanh nghiệp, hợp tác xã đang tham gia khai thác tuyến cố định đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao công bố tuyên, chấp thuận khai thác tuyên, thông báo đăng ký khai thác tuyên thành công của cơ quan quản lý tuyên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở GTVT.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở GTVT.

- Cơ quan phối hợp: Sở GTVT nơi mang biển số đăng ký của phương tiện, Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phù hiệu xe trung chuyên.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 04.**

---



## **10. Cấp lại phù hiệu xe trung chuyên. Mã hồ sơ số: T-BPC-281036-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe trung chuyên gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho doanh nghiệp, hợp tác xã đang tham gia khai thác tuyến cố định; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản đề doanh nghiệp, hợp tác xã đang tham gia khai thác tuyến cố định bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyên cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải kiểm tra và tham mưu Giám đốc Sở GTVT xem xét quyết định.

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở GTVT có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở GTVT trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết TTHC: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở GTVT nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở GTVT địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở GTVT nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở GTVT trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở GTVT có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở GTVT trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình;

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Doanh nghiệp, hợp tác xã đang tham gia khai thác tuyến cố định đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định ATKT và bảo vệ môi trường.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Sở GTVT nơi mang biển số đăng ký của phương tiện, Trung tâm hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** phù hiệu xe trung chuyên.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu (*Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 04.**

---

## **11. Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện. Mã hồ sơ số: T-BPC-281037-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

(1). Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):

(a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào (*Phụ lục 7a ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

(b) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;

(c) Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;

(d) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

(đ) Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).

(2). Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

(a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào (*Phụ lục 7b ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

(b) Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

(c) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

(d) Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

(đ) Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

(3). Các giấy tờ quy định tại các điểm (b), (c), (d), (đ) khoản (1) nêu trên và các điểm (b), (c), (d) khoản (2) nêu trên phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào, đối với phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 7a ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào, đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (*mẫu Phụ lục 7b ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Phương tiện được cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào là xe ô tô bao gồm: xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo ô tô và phương tiện chuyên dùng lưu thông trên đường bộ có Giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp. Phương tiện bao gồm phương tiện thương mại và phương tiện phi thương mại.

- Phương tiện thương mại bao gồm:

- + Xe ô tô vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- + Xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch;
- + Xe ô tô vận tải hàng hóa;
- + Xe ô tô chuyên chở người, hàng hóa và xe máy chuyên dùng lưu thông trên đường bộ phục vụ các công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (không bao gồm xe ô tô và xe máy chuyên dùng sang Lào chủ yếu phục vụ thi công công trình, thời gian phục vụ thi công trên 30 ngày và kết thúc công trình mới về nước).
  - Phương tiện phi thương mại bao gồm:
    - + Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế đi công tác, xe ô tô cứu hỏa, xe ô tô cứu thương, xe ô tô cứu hộ, xe ô tô thực hiện sứ mệnh nhân đạo (gọi chung là xe công vụ);
    - + Xe ô tô của cá nhân đi việc riêng (chỉ áp dụng đối với xe ô tô chở người dưới 09 chỗ và xe ô tô bán tải (pick-up));
    - + Xe ô tô của doanh nghiệp, hợp tác xã đi công tác, tham quan, du lịch.
  - Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình và niên hạn sử dụng theo quy định.
  - Sở Giao thông vận tải địa phương cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng đóng trên địa bàn địa phương. Trừ các loại phương tiện sau:
    - + Phương tiện của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương và các cơ quan ngoại giao, cơ quan đại diện của các tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội;
    - + Phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**PHỤ LỤC 7A**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO  
PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên doanh nghiệp/HTX **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
đề nghị cấp giấy phép **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN KINH  
DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: .....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: ..... Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ..... ngày cấp: .....
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hóa:

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: .....)

Cự ly vận chuyên: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày .....

....., ngày tháng năm  
**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
(Ký tên, đóng dấu)

## PHỤ LỤC 7B

Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/cá nhân **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
đề nghị cấp giấy phép **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: ..... Số Fax:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... ngày cấp ..... cơ quan cấp phép ..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, HTX)
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển HH hay HK)	Cửa khẩu Xuất-nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

#### 6. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác

....., ngày tháng năm  
**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
hoặc cá nhân  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có) )



## **12. Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện. Mã hồ sơ số: T-BPC-281038-TT**

Khi Giấy phép liên vận Việt - Lào hết hạn hoặc bị hư hỏng, bị mất, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào (trường hợp bị mất giấy phép phải nêu rõ lý do). Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng nộp về cơ quan cấp phép cùng với hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào.

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

(1). Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):

(a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào (*mẫu Phụ lục 7a ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

(b) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;

(c) Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;

(d) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

(đ) Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).

(2). Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

(a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào (*mẫu Phụ lục 7b ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

(b) Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

(c) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

(d) Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

(đ) Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

(3). Các giấy tờ quy định tại các điểm (b), (c), (d), (đ) khoản (1) nêu trên và các điểm (b), (c), (d) khoản (2) nêu trên phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào, đối với phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 7a ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào, đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (*mẫu Phụ lục 7b ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Phương tiện được cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào là xe ô tô bao gồm: xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo ô tô và phương tiện chuyên dùng lưu thông trên đường bộ có Giấy đăng ký phương tiện và biển số do

cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp. Phương tiện bao gồm phương tiện thương mại và phương tiện phi thương mại.

- Phương tiện thương mại bao gồm:

+ Xe ô tô vận tải hành khách theo tuyến cố định;

+ Xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch;

+ Xe ô tô vận tải hàng hóa;

+ Xe ô tô chuyên chở người, hàng hóa và xe máy chuyên dùng lưu thông trên đường bộ phục vụ các công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (không bao gồm xe ô tô và xe máy chuyên dùng sang Lào chủ yếu phục vụ thi công công trình, thời gian phục vụ thi công trên 30 ngày và kết thúc công trình mới về nước).

- Phương tiện phi thương mại bao gồm:

+ Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế đi công tác, xe ô tô cứu hỏa, xe ô tô cứu thương, xe ô tô cứu hộ, xe ô tô thực hiện sứ mệnh nhân đạo (gọi chung là xe công vụ);

+ Xe ô tô của cá nhân đi việc riêng (chỉ áp dụng đối với xe ô tô chở người dưới 09 chỗ và xe ô tô bán tải (pick-up));

+ Xe ô tô của doanh nghiệp, hợp tác xã đi công tác, tham quan, du lịch.

- Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình và niên hạn sử dụng theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải địa phương cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng đóng trên địa bàn địa phương. Trừ các loại phương tiện sau:

+ Phương tiện của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương và các cơ quan ngoại giao, cơ quan đại diện của các tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội;

+ Phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

### **1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 26.**

### **13. Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. Mã hồ sơ số: T-BPC-281039-TT**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép liên vận Lào - Việt (bản chính);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đơn đề nghị gia hạn (*mẫu Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

#### **f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận Việt – Lào được gia hạn.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn (*mẫu Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Phương tiện của Lào hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp).

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*

---

## PHỤ LỤC 8

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO XE CỦA LÀO  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/cá nhân đề nghị  
gia hạn Giấy phép liên vận  
của Lào

Company/Individual name  
applying for extension of  
Laos - Viet Nam Cross-  
border Transport Permit

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Independence - Freedom - Happiness

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO - VIỆT APPLICATION FOR EXTENDING OF LAOS-VIET NAM CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)* .....

2. Địa chỉ: *(Address)* .....

3. Số điện thoại: *(Tel No.)* ..... Số Fax: *(Fax No.)*: .....

Ngày cấp *(Date of issue)* ..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)* .....

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... gia hạn Giấy phép liên vận  
Lào - Việt cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport  
Department of ..... to extend the validity of Laos - Viet Nam Cross-  
Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*: .....

- Giấy phép liên vận Lào - Việt số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: ..... Có  
giá trị đến: .....

*Laos - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.: ...Date of issue ..... Issuing  
Authority...Date of expiry .....*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ..... năm .....

*Date of entry into Viet Nam: ..... month ..... year .....*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn Giấy phép liên vận: ....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ...  
tháng ... năm ...

*Extension for: ... .. days, from date ... .. month .... year .... to date ... ..  
month ... year .....*

+ Gia hạn chuyến đi: ..... ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ...  
năm.....

*Extension for Journey: ... .. days, from date ... month ... year ... to date ... month... year...*

5. Lý do đề nghị gia hạn (*The reasons for extension*): .....

6. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Lào và Việt Nam. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol to Implement the Agreement to Facilitate Cross-border Movement of Motor vehicles between Laos and Viet Nam*).

....., ngày (*date*) ..... tháng (*month*) ..... năm (*year*) ...

Đại diện đơn vị (*Representative of the Company*)

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền  
(Driver, vehicle owner or authorized person).*

**14. Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện vận tải phi thương mại là xe công vụ, xe của các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao, xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái trừ phương tiện của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, văn phòng các Bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao đóng tại Hà Nội. Mã hồ sơ số: T-BPC-281040-TT**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**1.3.1. Thành phần hồ sơ:**

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia quy định tại Phụ lục 7b ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

c) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

d) Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (trừ xe do người ngoại quốc tự lái).

Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1.3.1 này phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

\* Khi Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia hết hạn, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo khoản 1.3.1 nêu trên. Trường hợp giấy phép bị mất hoặc hư hỏng (trường



hợp bị mất phải có văn bản nêu rõ lý do), tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo khoản 1.3.1 nêu trên.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**1.8. Lệ phí:** không.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia (theo mẫu Phụ lục 7b ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trừ các loại phương tiện sau:

+ Xe công vụ thuộc quyền sử dụng của các cơ quan, tổ chức gồm: Xe của các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ; thuộc các cơ quan thuộc Chính phủ;

+ Xe của các cơ quan ngoại giao, các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Hà Nội;

+ Xe của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương.

- Ngoài ra, Sở Giao thông vận tải Bình Phước được cấp Giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 7b.**  
**Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện phi thương mại**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên đơn vị/cá nhân  
đề nghị cấp giấy phép

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - CAMPUCHIA**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax:.....
4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày tháng năm  
**Đại diện đơn vị hoặc cá nhân**  
*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**15. Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam. Mã hồ sơ số: T-BPC-281041-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam (bản chính);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận cho xe của Campuchia (theo quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đối tượng được gia hạn: phương tiện của Campuchia hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp) sẽ được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*

---

**Phụ lục 8. Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận cho xe của Campuchia**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn  
Giấy phép liên vận của Campuchia  
Company/Individual name applying  
for extension of Cambodia - Viet  
Nam Cross-border Transport Permit  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CAMPUCHIA - VIỆT NAM**  
**APPLICATION FOR EXTENDING OF CAMBODIA-VIET NAM**  
**CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To): .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)* .....
  2. Địa chỉ: *(Address)* .....
  3. Số điện thoại: *(Tel No.)* ..... Số Fax: *(Fax No.):* .....
- Ngày cấp *(Date of issue)* ..... Cơ quan  
cấp *(Issuing Authority)* .....
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... gia hạn Giấy phép liên vận  
Campuchia - Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial  
Transport Department of ..... to extend the validity of Cambodia - Viet Nam Cross-  
Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*
    - Biển số xe xin gia hạn *(Registration  
No.):* .....
    - Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: .....Có giá trị đến: .....
- Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:..... Date of  
issue ..... Issuing Authority... Date of expiry .....*
- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ..... năm .....
- Date of entry into Viet Nam: ..... month ..... year .....*
- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):  
*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*
    - + Gia hạn Giấy phép liên vận: .....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ...  
năm ...*Extension for: .....days, from date ..... month..... year ..... to date ..... month  
...year ....*

+ Gia hạn chuyến đi: .....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm .....

*Extension for Journey: ..... days, from date ... month ... year ... to date .....month... year...*

5. Lý do đề nghị gia hạn (*The reasons for extension*): .....

.....  
.....

6. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Campuchia và Việt Nam. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol implementation of the Road Transport Agreement Cambodia and Viet Nam*).

....., ngày (*date*).... tháng (*month*) .... năm (*year*)....

Đại diện đơn vị (*Representative of the Company*)

Ký tên/*Signature*

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền  
(*Driver, vehicle owner or authorized person*).

## **16. Công bố đưa bến xe khách vào khai thác. Mã hồ sơ số: T-BPC-281042-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị khai thác bến xe khách nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính);

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

+ Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của QCVN 45:2012/BGTVT.

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị khai thác bến xe khách đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT;

+ Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách;

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015;

+ Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** quyết định công bố.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Bến xe khách phải đảm bảo quy định kỹ thuật theo Mục II của QCVN 45 : 2012/BGTVT được sửa đổi tại Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---



## Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách)

..... (2) .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

### GIẤY ĐỀ NGHỊ

### CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ... tháng ... năm .....

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách ..... (3) ..... Cụ thể như sau:

- Tên: (3)
- Địa chỉ: (4)
- Tổng diện tích đất: (5)

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ....(1) ..... công bố Bến xe khách ..... (3) ..... đạt quy chuẩn Bến xe loại: ..... (6) ..... và được đưa vào khai thác ..... (2) .... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

#### **Đại diện đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

#### **Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe khách
- (4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách
- (5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách
- (6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

**Phụ lục 2**

.....(2).....  
-----

Số: ...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN  
VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....
2. Trụ sở: .....
3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách .....(3)..... như sau:

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí phân loại</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....</b>	<b>Theo thực tế</b>
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m <sup>2</sup>		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra, vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			

15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

...(2)... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

## **17. Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác. Mã hồ sơ số: T-BPC-281043-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Đơn vị khai thác bến xe khách nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính);

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT.

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách theo Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** quyết định công bố.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Bến xe khách phải đảm bảo quy định kỹ thuật theo Mục II của QCVN 45 : 2012/BGTVT được sửa đổi tại Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

#### **Phụ lục 4**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách)*

..... (2) .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm .....

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi: ..... (1) .....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: ..... (2): .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ... tháng... năm .....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác ...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm...của ...(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm .....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị .... (1) ..... tiếp tục công bố đưa Bến xe khách .... (3).... đạt loại: ..... (4): ..... vào khai thác..(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Đại diện đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu...

#### **Hướng dẫn ghi:**

- (1) *Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách*
- (2) *Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách*
- (3) *Ghi tên bến xe khách*
- (4) *Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố*

**Phụ lục 2**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....(2).....

-----

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN**  
**VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Trụ sở: .....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách .....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m <sup>2</sup>		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m <sup>2</sup>		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra, vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			

17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			
----	----------------------------------	--	--	--

...(2)... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu...

**Đại diện đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố



## **18. Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV). Mã hồ sơ số: T-BPC-281044-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đối với xe thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Đối với xe phi thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (*Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép liên vận CLV.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (*mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đối với xe thương mại: Xe vận tải hành khách tuyến cố định;

- Đối với xe phi thương mại: Xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ đối tượng xe phi thương mại thuộc các đối tượng là xe ô tô thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội.

- Ngoài ra, Sở Giao thông vận tải Bình Phước được cấp Giấy phép cho xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản

ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Công hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*

---

**Phụ lục 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tên đơn vị kinh doanh vận tải **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
đề nghị cấp giấy phép **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV  
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯỜNG MẠI**

Kính gửi: .....

- 1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
- 2. Địa chỉ: .....
- 3. Số điện thoại:.....số Fax: .....
- 4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Loại hình kinh doanh vận tải:
- a) Hành khách theo tuyến cố định:
  - b) Khách du lịch:
  - c) Hành khách theo hợp đồng:
  - d) Vận tải hàng hoá:

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến:.....đi.....và ngược lại  
 Bến đi: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....Việt Nam)  
 Bến đến: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....)  
 Cự ly vận chuyển: .....km  
 Hành trình tuyến đường: .....

Đã được Sở Giao thông vận tải ..... chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày .....tháng.....năm....

....., Ngày tháng năm  
 Thủ trưởng đơn vị  
 (Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Tên đơn vị/tổ chức  
đề nghị cấp giấy phép**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV  
CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ : .....
3. Số điện thoại:.....số Fax: .....
4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp.....cơ quan cấp phép..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

6. Mục đích chuyên đi:

a) Công vụ:

  

b) Cá nhân:

  

c) Phục vụ Hoạt động của  
doanh nghiệp, HTX

d) Mục đích khác:

....., ngày tháng năm

**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## **19. Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam. Mã hồ sơ số: T-BPC-281045-TT**

Hết thời hạn của Giấy phép hoặc Giấy phép bị hư hỏng hoặc bị mất Giấy phép, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định. Giấy phép cũ hoặc Giấy phép hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép; trường hợp mất Giấy phép phải có công văn báo cáo và cam kết về việc mất Giấy phép.

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đối với xe thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị

kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Đối với xe phi thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (*mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải .

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (*mẫu Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (*mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đối với xe thương mại: Xe vận tải hành khách tuyến cố định;

- Đối với xe phi thương mại: Xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ đối tượng xe phi thương mại thuộc các đối tượng là xe ô tô thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội.

- Ngoài ra, Sở Giao thông vận tải Bình Phước được cấp Giấy phép cho xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

**I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 18.***

---



**20. Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia. Mã hồ sơ số: T-BPC-281046-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận CLV (theo mẫu Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT);

+ Giấy phép liên vận CLV;

+ Giấy đăng ký phương tiện.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản gia hạn.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận CLV (theo mẫu Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Đối tượng được gia hạn: phương tiện của Lào, Campuchia gặp trường hợp bất khả kháng (thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày hết hạn.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2014.

*Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.*

---

## Phụ lục 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp đề nghị gia hạn  
giấy phép liên vận của Lào,  
Campuchia

Company name applying for  
extension of Laos, Cambodia  
Cross-border Transport Permit

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
Independence - Freedom – Happiness

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

#### GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV

#### APPLICATION FOR EXTENSION OF CAMBODIA – LAOS - VIET NAM CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*.....
2. Địa chỉ: *(Address)* .....
3. Số điện thoại: *(Tel No.)*..... Số Fax: *(Fax No.)*: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số *(Business Registration Certificate or Investment License No.)*:.....
- Ngày cấp *(Date of issue)* ..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*.....
5. Đề nghị Sở GTVT ..... gia hạn Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of.....to extend the validity of Cambodia - Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*
  - Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*: .....
  - Giấy phép liên vận CLV số:.... Ngày cấp ... Nơi cấp: ..... Có giá trị đến: ...  
*Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:.....(Date of issue).....(Issuing Authority)...Date of expiry.....*
  - Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ..... năm .....  
*Date of entry into Viet Nam: ... .. month ... .. year .....*
  - Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):  
*Proposed to extend duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn giấy phép liên vận: ... ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

*Extension for: ...days, from date ... month ..... year ...to date .....month ... year .....*

+ Gia hạn chuyến đi: ... ngày, từ ngày .. tháng ... năm .. đến ngày .. tháng .. năm ...

*Extension of Journey : ....days, from date ... month ... year ... to date .. ..month ... year*

7. Lý do đề nghị gia hạn (*The reasons for extension*): .....

8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*): .....

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. (*To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Memorandum of Understanding between the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Democratic Republic of Laos and the Socialist Republic of Vietnam on Road of Transport*).

....., ngày (*Date*) ..... tháng (*month*) ..... năm (*year*) .....

**Đại diện đơn vị (Representative of the Company)**

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền*

*(Driver, vehicle owner or authorized person).*

**21. Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp. Mã hồ sơ số: T-BPC-281047-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ các đối tượng sau:

. Người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

. Người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn.

+ Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí:** 135.000đồng/lần đổi.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép lái xe phải có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 19**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*  
*ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../.....

Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:.....cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

*Ghi chú:*

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

## **22. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp. Mã hồ sơ số: T-BPC-281048-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

\* Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995.

+ Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam);

+ Hồ sơ gốc (nếu có);

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

\* Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995.

+ Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;



+ Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam).

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí :** 135.000đồng/lần đổi.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :**

Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995 còn thời hạn sử dụng.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 21.**

---

**23. Đổi giấy phép lái xe Quân sự do Bộ Quốc phòng cấp. Mã hồ sơ số: T-BPC-281049-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn ký trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 6 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam).

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí:** 135.000đồng/lần đổi.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi đến đổi phải có Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn ký trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 6 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;
- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 21.**

---

## **24. Đổi GPLX hoặc bằng lái xe của nước ngoài. Mã hồ sơ số: T-BPC-281050-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 đối với người Việt Nam, Phụ lục 20 đối với người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 đối với người Việt Nam, Phụ lục 20 đối với người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;

+ Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ,

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí:** 135.000đồng/lần đổi

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 đối với người Việt Nam, Phụ lục 20 đối với người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

- Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

**Phụ lục 19**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*  
*ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../.....

Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:.....cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

*Ghi chú:*

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

**Phụ lục 20**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*  
*ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**  
**APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE**  
*(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)*

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)  
Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....  
Quốc tịch (Nationality):.....  
Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....  
Hiện cư trú tại (Permanent Address):.....  
Số hộ chiếu (Passport No.):.....  
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year)..... Hiện  
có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):..... Cơ quan  
cấp (Issuing Office):.....  
Tại (Place of issue):.....  
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year)..... Lý do xin  
đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):  
.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in  
Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);
- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*(Signature and Full name)*

**25. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam. Mã hồ sơ số: T-BPC-281051-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ :

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;

+ Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

(Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.



**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Lệ phí:** 135.000đồng/ lần đổi

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khách, du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 24.***

---

## **26. Cấp lại giấy phép lái xe. Mã hồ sơ số: T-BPC-281052-TT**

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

\* Trường hợp Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

+ Bản sao giấy phép lái xe hết hạn.

\* Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định, cư ở nước ngoài).

\* Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

+ Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- 04 ngày làm việc (chưa tính thời gian tạm giữ hồ sơ 02 tháng đối với trường hợp bị mất cấp lại giấy phép lái xe) kể từ ngày có kết quả xác minh giấy phép lái xe không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý;

- 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch (đối với trường hợp sát hạch lại để cấp giấy phép lái xe).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lái xe.

**h) Phí, Lệ phí :**

- Lệ phí: 135.000đ/lần.

- Phí sát hạch lái xe:

+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A4): Sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; Sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; Sát hạch thực hành trong hình: 300.000đ/lần; Sát hạch thực hành xe trên đường giao thông công cộng: 60.000đ/lần.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe ; Từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;
- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 21.**

---

## **27. Cấp lại giấy phép xe tập lái. Mã hồ sơ số: T-BPC-281053-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo lái xe; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để cơ sở đào tạo lái xe bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Cơ sở đào tạo lái xe đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép tập lái.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Điều kiện xe tập lái:

- Có đủ xe tập lái các hạng tương ứng với lực lượng đào tạo ghi trong giấy phép đào tạo lái xe;

- Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng;

- Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có dịch vụ sát hạch lái xe được sử dụng ô tô sát hạch để dạy lái với thời gian không quá 50% thời gian sử dụng xe vào mục đích sát hạch;

- Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

- Có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực;

- Có hệ thống phanh phụ bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe, kết cấu chắc chắn, thuận tiện, an toàn, bảo đảm hiệu quả phanh trong quá trình sử dụng;

- Thùng xe phải có mui che mưa, nắng và ghế ngồi chắc chắn cho người học;

- Hai bên cánh cửa hoặc hai bên thành xe phải có tên cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý trực tiếp và số điện thoại liên lạc theo mẫu quy định (*Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

- Xe ô tô phải có 02 biển “TẬP LÁI” theo mẫu quy định (*Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

## PHỤ LỤC VIII

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÁP XE TẬP LÁI  
(Ban hành Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01/ 7/2016 của Chính phủ)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**                      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) ..... đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

### DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

(Ký tên, đóng dấu)

## **28. Thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo có đăng ký biển số tại tỉnh Bình Phước. Mã hồ sơ số: T-BPC-281054-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế cải tạo gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác).

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định; Cơ quan thẩm định thiết kế tiến hành thẩm định thiết kế theo quy định: Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 07 ngày là việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân có thể nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế bản chính (*Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014*);

+ 04 bộ hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo có đủ thành phần theo quy định;

+ Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế);

+ Bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô, Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển), Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.



**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

**h) Lệ phí:** 300.000 đồng/01 phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế bản chính (*Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :**

- Xe cơ giới đã có biển số đăng ký tại địa phương đã qua sử dụng trên 06 tháng kể từ ngày kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường lần đầu đến khi thẩm định thiết kế;

- Xe cơ giới đang làm thủ tục chuyển vùng về địa phương để đăng ký biển số;

- Xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu có địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoặc mua xe tại địa phương.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT ngày 15/09/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải v/v quy định về thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/08/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng linh kiện, xe cơ giới và các loại thiết bị, xe máy chuyên dùng.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

**Phụ lục 3**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**  
*(ban hành kèm theo thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT)*  
**(CƠ SỞ THIẾT KẾ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....  
V/v: thẩm định thiết kế

..., ngày tháng năm

**Kính gửi:** Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Căn cứ Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

*(Cơ sở thiết kế)* có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ./... của *(cơ quan cấp)*; đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo sau:

- **Tên thiết kế** :.....(tên thiết kế).....

- **Ký hiệu thiết kế** :.....(ký hiệu thiết kế).....

**1. Đặc điểm xe cơ giới:**

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):

- Số khung: ..... - Số động cơ: .....

- Nhãn hiệu : ..... - số loại: .....

**2. Nội dung cải tạo chính:**

*(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)*

**3. Thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:**

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Ô tô trước cải tạo	Ô tô sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
5	Khối lượng bản thân	kG		
6	Số người cho phép chở	người		
7	Khối lượng hàng chuyên chở CPTGGT	kG		
8	Khối lượng toàn bộ CPTGGT	kG		
...	<i>Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới có thay đổi do cải tạo</i>			

*(Cơ sở thiết kế)* xin chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế và hồ sơ xe cơ giới cải tạo.

**Cơ sở thiết kế**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**29. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đăng ký lần đầu. Mã hồ sơ số: T-BPC-281055-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng (địa điểm kiểm tra theo thỏa thuận với chủ sở hữu và đã ghi trên giấy hẹn).

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định; Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng và cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính: Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng.

+ Mang theo giấy giới thiệu (nếu là cơ quan, tổ chức) hoặc CMND và sổ hộ khẩu (nếu là cá nhân).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí:** Cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số 200.000 đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Tờ khai đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú tại địa phương;

- Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư Số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 2**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....  
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú:.....  
Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu:.....  
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú:.....  
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn:.....  
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất: .....  
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất: .....  
Số động cơ:.....Số khung:.....  
Kích thước bao (dài x rộng x cao): ..... Trọng lượng:.....

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trả số động cơ)*

*(Dán trả số khung)*

*\* chỉ dán trả số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu

- Mất chứng từ gốc

- Số biển số cũ: (nếu có):..... **Biển số đề nghị cấp:** .....

Cán bộ làm thủ tục

Trưởng phòng duyệt

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.*

**30. Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý. Mã số hồ sơ: T-BPC-281056-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính: Tờ khai đăng ký biển số xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*);

+ Một trong các chứng từ sau:

\* Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

\* Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

\* Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí :**

Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số 50.000đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Tờ khai Đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*);

- Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú tại địa phương;

- Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 2**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....  
 Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú:.....  
 Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....  
 Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....  
 Địa chỉ thường trú:.....  
 Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn:.....  
 Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất: .....  
 Nước sản xuất:.....Năm sản xuất: .....  
 Số động cơ:.....Số khung:.....  
 Kích thước bao (dài x rộng x cao): ..... Trọng lượng:.....

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ)*

*(Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu

- Mất chứng từ gốc

- Số biển số cũ: (nếu có):..... **Biển số đề nghị cấp:** .....

Cán bộ làm thủ tục

Trưởng phòng duyệt

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*



**Phụ lục 3**

**MẪU GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có).....

Địa chỉ thường trú.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp..... Nơi cấp: .....

Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:

Loại xe máy chuyên dùng: ..... Màu sơn: .....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:.....

Nước sản xuất: ..... Năm sản xuất: .....

Số động cơ: ..... Số khung .....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng .....

Biển số đăng ký (nếu có):..... Ngày cấp..... Cơ quan cấp .....

Nơi cấp:.....

Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà).....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND hoặc hộ chiếu số: ..... ngày cấp ..... Nơi cấp .....

Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

....., ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của chính quyền cấp xã  
nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú.

Người bán, cho, tặng ký tên  
(Ghi rõ họ và tên)

*(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)*

*\*Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

**31. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất. Mã hồ sơ số: T-BPC-281057-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm Hành chính tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính: Tờ khai cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Sau 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, nếu không có tranh chấp giải quyết trong 03 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký, biển số

**h) Lệ phí:**

- Cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số 50.000đồng/lần/phương tiện;

- Cấp lại giấy đăng ký có kèm theo biển số 200.000đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 9**  
**MẪU TỜ KHAI ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ**  
**XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:..... Số giấy CMND hoặc hộ chiếu .....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú: .....

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):..... Số CMND hoặc hộ chiếu .....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn .....Nhãn  
hiệu (mác, kiểu):.....Công suất .....

Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải .....

cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng .....năm.....

Biển số đã đăng ký:

Lý do xin đổi, cấp lại: .....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải .....xét cấp ..... cho chiếc  
xe máy chuyên dùng khai trên

...ngày tháng..... năm.....

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :**

*(Dán trả số động cơ)*

*(Dán trả số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- **Cấp theo Số biển số cũ:** ..... cấp đổi  cấp lại   
ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở GTVT  
(Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng; Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

**32. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng. Mã hồ sơ số: T-BPC-281058-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

Bản chính: Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải .

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí :** Cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời 70.000đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 10**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu: ..... Số CMND hoặc hộ chiếu .....

Ngày cấp:..... Nơi cấp .....

Địa chỉ thường trú: .....

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):..... Số CMND hoặc hộ chiếu .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp .....

Địa chỉ thường trú: .....

Loại xe máy chuyên dùng: ..... Màu sơn .....

Nhãn hiệu (mác, kiểu): ..... Công suất .....

Nước sản xuất: ..... Năm sản xuất .....

Số động cơ: ..... Số khung .....

Kích thước bao (dài x rộng x cao): ..... Trọng lượng .....

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

+.....

+.....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số đăng ký tạm thời:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở GTVT  
(Ký tên, đóng dấu)

\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;

- Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.



### **33. Di chuyển quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng do Sở Giao thông vận tải quản lý. Mã hồ sơ số: T-BPC-281059-TT**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

+ Một trong các chứng từ sau:

\* Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

\* Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

\* Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

#### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*);

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 3**

**MẪU GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường

trú:.....

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có).....

Địa chỉ thường trú.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp..... Nơi cấp: .....

Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:

Loại xe máy chuyên dùng: ..... Màu sơn: .....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất:.....

Nước sản xuất: ..... Năm sản xuất: .....

Số động cơ: ..... Số khung .....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng .....

Biển số đăng ký (nếu có):..... Ngày cấp..... Cơ quan cấp .....

Nơi cấp:.....

Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà).....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND hoặc hộ chiếu số: ..... ngày cấp ..... Nơi cấp .....

Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					

2					
3					

....., ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của chính quyền cấp xã

Người bán, cho, tặng ký tên

nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú.

(Ghi rõ họ và tên)

*(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký  
của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)*

*\*Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

**Phụ lục 12**

**MẪU TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Họ và tên đồng sở hữu (nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Hiện đã mua, được cho, tặng hoặc thừa kế chiếc xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất .....

Nước sản xuất:..... Năm sản xuất.....

Số động cơ:..... Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng.....

Biển số đăng ký :.....Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....

Nơi cấp.....

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải..... để được tiếp tục đăng ký.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:**

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:.....

đến Sở Giao thông vận tải:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục

Trưởng Phòng duyệt

Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(ký, ghi rõ họ và tên)

(ký tên, đóng dấu)

*\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản: - 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;  
- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.*

### **34. Cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô. Mã hồ sơ số: T-BPC-281060-TT**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định; Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**h) Lệ phí :** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :**

Theo quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo của Bộ Giao thông vận tải đã phê duyệt.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---



## PHỤ LỤC X

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE  
(Ban hành Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

#### I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: .....

3. Quyết định thành lập số ..... ngày .... / ..... / ..... của .....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

#### II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm ..... loại xe (xe con, xe tải ..... tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ..... ngày .... / ..... / ..... của .....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được ..... học sinh, lái xe loại .....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại ....., thời gian đào tạo ..... tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m<sup>2</sup>), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết: .....

- Số giáo viên dạy thực hành: .....

## DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

### DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: ..... m<sup>2</sup>.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**  
(Ký tên, đóng dấu)

### **35. Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô. Mã hồ sơ số: T-BPC-281061-TT**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để cơ sở đào tạo bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định; Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Cơ sở đào tạo đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 08 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

#### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**h) Lệ phí:** không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :**

Giấy phép đào tạo lái xe ô tô được cấp lại khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 34.***

---

### **36. Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Mã hồ sơ số: T-BPC-281064-TT**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định; Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Số lượng hồ sơ : 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**h) Học phí:** Theo Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/05/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/05/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**PHỤ LỤC IV**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

*(Ban hành Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Tôi là: .....Quốc tịch:.....  
Sinh ngày: ..... tháng ..... năm ..... Nam, Nữ .....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
Nơi cư trú: .....  
Có giấy chứng minh nhân dân số: ....., cấp ngày ..... tháng..... năm .....  
Nơi cấp: .....  
Có giấy phép lái xe số: ....., hạng ..... do: .....  
cấp ngày ..... tháng ..... năm .....  
Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng .....

*Gửi kèm theo:*

- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;
- 01 bản sao có chứng thực giấy phép lái xe (còn thời hạn);
- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;
- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày ..... tháng..... năm 20....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**37. Cấp mới giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3. Mã hồ sơ số: T-BPC-281065-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định; Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe.



**h) Lệ phí :** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng thỏa mãn các yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

**38. Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3. Mã hồ sơ số: T-BPC-281066-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho trung tâm sát hạch lái xe; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để tổ trung tâm sát hạch lái xe bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định; Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trung tâm sát hạch lái xe đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: văn bản đề nghị kiểm tra cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trung tâm sát hạch lái xe.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe.

**h) Lệ phí :** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

**39. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến. Mã hồ sơ số: T-BPC-281067-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng (địa điểm kiểm tra theo thỏa thuận với chủ sở hữu và đã ghi trên giấy hẹn).

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định; Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng và cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính: tờ khai cấp đăng ký, biển số (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*); Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký;

+ Một trong các chứng từ sau:

\* Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

\* Giấy bán, cho, tặng (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*); (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

\* Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải,

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí :** Cấp đổi giấy đăng ký kèm theo biển số 200.000 đồng/lần/phương tiện.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Tờ khai Đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

- Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú tại địa phương;

- Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 30**

#### **40. Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng. Mã hồ sơ số: T-BPC-281068-TT**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập tờ đơn xóa sổ xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm Hành chính tỉnh.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính: tờ khai xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*);

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

##### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Tờ khai xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính) có xác nhận của Sở Giao thông vận tải.

**h) Lệ phí :** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Tờ khai xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng thanh lý, bị mất, bán ra nước ngoài hoặc tái xuất ra nước ngoài phải làm thủ tục xóa sổ đăng ký tại nơi đã đăng ký.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 4**  
**MẪU TỜ KHAI XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ**  
**XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm  
2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....  
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....  
Địa chỉ thường trú:.....  
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND, hoặc hộ chiếu.....  
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú:.....  
Loại xe máy chuyên dùng:..... Màu sơn.....  
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất .....  
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất.....  
Số động cơ:.....Số khung.....  
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....  
Hiện đã có giấy chứng nhận đăng ký, biển số là:.....  
Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày.....tháng.....năm.....  
Lý do xin xoá sổ đăng ký:.....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.  
Đề nghị..... xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

..., ngày.....tháng..... năm.....  
Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số:.....Ngày cấp:.....Số đăng ký quản lý.....Ngày xoá sổ:.../.../...

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày...../...../.....

Lưu hồ sơ xoá sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.

**Cán bộ làm thủ tục**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:*

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;

- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ xoá sổ 01 bản.



## II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

### 41. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa. Mã hồ sơ số: T-BPC-281069-TT

#### a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 2 – phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

#### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*) đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện

được nhập khẩu; Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí:** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 2 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15/06/2004;

- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004;

- Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT ngày 25/03/2005 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

Mẫu số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**

**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Công dụng: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có): .....ngày ..... tháng ..... năm 20

Do cơ quan ..... cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: .....

..... do cơ quan ..... cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ..... ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**Mẫu số 3**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) =

(.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất): ...../..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**42. Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. Mã hồ sơ số: T-BPC-281070-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 4 – phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm;

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí:** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3-phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15/06/2004;

- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004;

- Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT ngày 25/03/2005 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**phục lục I**

**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện: ( $L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$ ) =

(.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất): ...../..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: ..... tấn.

b) Sức chở người: ..... người.

Tình trạng thân vỏ: .....

Tình trạng hoạt động của máy: .....

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ phương tiện (2)**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu số 4**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Trụ sở chính: (1) .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Chiều cao mạn: ..... m

Năm hoạt động: ..... Chiều chìm: .....m

Công dụng: ..... Mạn khô: .....m

Năm và nơi đóng: ..... Trọng tải toàn phần: .....tấn

Vật liệu vỏ: ..... Số người có thể chở: .....người

Chiều dài lớn nhất: .....(m) Sức kéo, đẩy .....tấn

Chiều rộng lớn nhất: ..... (m)

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại...): .....

..... (cá nhân hoặc tổ chức) .....

Địa chỉ: .....

Thời gian (mua, tặng, đóng) ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa ..... ngày .... tháng .... năm...

phương cấp phường, xã

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)**

(Nội dung: Xác nhận ông, bà ..... đăng ký hộ  
khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói  
trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.



**43. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã hồ sơ số: T-BPC-281071-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc

giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15/06/2004;

- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004;

- Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT ngày 25/03/2005 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

Mẫu số 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu ....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

Máy phụ (nếu có): .....

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...): .....

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị) .....

Địa chỉ: .....

Đã đăng ký tại ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Nay đề nghị ..... đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((\*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

**44. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã hồ sơ số: T-BPC-281072-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất

trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15/06/2004;

- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật giao thông đường thủy nội địa 2004;

- Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT ngày 25/03/2005 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 43.**

---

**45. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. Mã hồ sơ số: T-BPC-281073-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 8 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8- phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15/06/2004;
- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật giao thông đường thủy nội địa 2004;
- Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT ngày 25/03/2005 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;
- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

Mẫu số 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

do ....., cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế: ....., Cấp tàu: .....

Công dụng: ....., Vật liệu vỏ: .....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m, Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m, Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m, Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m, Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người, Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là: .....

(nếu lý do thay đổi địa chỉ)

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện t



## **46. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã hồ sơ số: T-BPC-281074-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 9 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính tỉnh.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**h) Lệ phí :** Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15/06/2004;
- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật giao thông đường thủy nội địa 2004;
- Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT ngày 25/03/2005 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;
- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I**

**Mẫu số 9**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....

- Trụ sở chính: (1) .....

- Điện thoại: ..... Email: .....

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Công dụng: ..... Vật liệu vỏ: .....

Năm và nơi đóng: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: .....m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do: .....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN <sup>(2)</sup>**

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**47. Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã hồ sơ số: T-BPC-281075-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 10 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - phục lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15/06/2004;
- Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật giao thông đường thủy nội địa 2004;
- Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT ngày 25/03/2005 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;
- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phục lục I**

**Mẫu số 10**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Kính gửi:** .....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ..... đại diện cho các đồng sở hữu .....
- Trụ sở chính: (1) .....
- Điện thoại: ..... Email: .....

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký: .....

Công dụng: ..... Ký hiệu thiết kế: .....

Năm và nơi đóng: .....

Cấp tàu: ..... Vật liệu vỏ: .....

Chiều dài thiết kế: ..... m Chiều dài lớn nhất: ..... m

Chiều rộng thiết kế: ..... m Chiều rộng lớn nhất: ..... m

Chiều cao mạn: ..... m Chiều chìm: ..... m

Mạn khô: ..... m Trọng tải toàn phần: ..... tấn

Số người được phép chở: ..... người Sức kéo, đẩy: ..... tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất): .....

Máy phụ (nếu có): .....

Nay đề nghị ..... xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký .....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

## **48. Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa. Mã hồ sơ số: T-BPC-281076-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Chủ đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và xử lý như sau:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Đối với bến thủy trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Chi Cục Đường thủy nội địa về vị trí và ảnh hưởng của bến đối với luồng và phạm vi bảo vệ các công trình khác ở khu vực.

+ Đối với bến khách ngang sông, trước khi có văn bản chấp thuận, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến xây dựng bến.

Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Chủ đầu tư đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Chủ đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu số 2 và Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông theo mẫu số 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT;

+ Bình đồ vị trí và sơ đồ mặt bằng công trình bến, vùng nước trước bến.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

+ Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (*mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT*);

+ Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông (*mẫu số 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---



**Mẫu số 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1).....  
Tên tổ chức, cá nhân .....  
Địa chỉ trụ sở: .....  
Số điện thoại: ..... Số FAX .....  
Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa (2) .....  
Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ ..... đến km thứ .....  
bờ (phải hay trái) ..... sông, (kênh) ..... thuộc xã (phường)  
....., huyện (quận)..... tỉnh (thành phố): .....  
Quy mô dự kiến xây dựng: .....  
Bến được sử dụng vào mục đích: .....  
Phạm vi vùng đất sử dụng: .....  
Phạm vi vùng nước sử dụng: .....  
- Chiều dài: .....mét, dọc theo bờ;  
- Chiều rộng.....mét, từ mép cầu bến trở ra.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn  
**Ký và đóng dấu**

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;  
2. Tên bến thủy nội địa do chủ đầu tư đặt.

**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ: .....

Làm đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông:

Tên bến .....

Vị trí dự kiến mở bến: Từ km thứ ..... đến km thứ ..... Bên bờ  
(phải/trái) ..... của sông (kênh) .....,

Thuộc xã (phường) ..... huyện (quận).....  
tỉnh (thành phố) .....

Quy mô dự kiến xây dựng: .....

Phạm vi vùng đất sử dụng: .....

Phạm vi vùng nước sử dụng:.....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

**Ý kiến của UBND cấp xã**

Người làm đơn

**Ký tên**

**Ghi chú:** - 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

- Nội dung UBND cấp xã nơi mở bến xác nhận người làm đơn hiện đang cư trú tại địa phương có đủ điều kiện đầu tư xây dựng bến và tổ chức quản lý khai thác hoạt động bến khách ngang sông theo quy định.

## **49. Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. Mã hồ sơ số: T-BPC-281077-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Chủ bến thủy nội địa gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và xử lý như sau:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại giấy và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Chủ đầu tư đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Chủ bến thủy nội địa gửi 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa mẫu số 6 và Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT);

+ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt; hồ sơ hoàn công;

+ Biên bản nghiệm thu công trình;

+ Sơ đồ vùng nước trước bến và luồng vào bến (nếu có) do chủ bến lập;

+ Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi làm cầu bến);

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận cho sử dụng tạm thời đối với trường hợp bến nằm trong hành lang bảo vệ các công trình theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ bến thủy nội địa.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Lệ phí:** 100.000 đồng/lần.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT;

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT;

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Mẫu số 6**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... ngày ... tháng ... Năm .....

do cơ quan ..... cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa .....

Vị trí bến: từ km thứ ..... đến km thứ .....

bờ (phải hay trái) ..... sông (kênh) .....

thuộc xã (phường) ....., huyện (quận) ..... tỉnh  
(thành phố): .....

Kết cấu, quy mô của bến:.....

Phương án khai thác: .....

Bến được sử dụng để: .....

Phạm vi vùng đất sử dụng .....

Phạm vi vùng nước sử dụng .....

- Chiều dài: .....mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng .....mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước .....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ..... đến ngày .....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn

**Ký tên**

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

**Mẫu số 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày .....

do cơ quan: ..... cấp

Làm đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông:

Tên bến .....

Vị trí bến: .....

- Từ km thứ ..... đến km thứ ..... Bên bờ (phải, trái) ..... của sông ....., thuộc xã, huyện, tỉnh (phường, quận, thành phố) .....

Vùng đất sử dụng: .....

Vùng nước xin phép sử dụng: .....

+ Chiều dài: .....m dọc theo bờ sông;

+ Chiều rộng: .....m tính từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Phương án khai thác và bảo đảm an toàn khi hoạt động: .....

.....

Đề nghị được hoạt động từ ngày ... tháng... năm .... đến ngày ... tháng .. năm ...

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn  
**Ký tên**

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

## **50. Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa. Mã hồ sơ số: T-BPC-281078-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Chủ bến thủy nội địa gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và xử lý như sau:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại giấy và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có văn bản yêu cầu chủ bến bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trung tâm hành chính công chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Chủ bến thủy nội địa đến Trung tâm hành chính công nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Chủ bến thủy nội địa gửi 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT;

+ Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung của giấy phép đã được cấp, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyển nhượng bến và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu trong trường hợp có sự thay đổi chủ sở hữu bến hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);

+ Trường hợp do thay đổi vùng đất, vùng nước, công dụng của bến, chủ bến phải gửi kèm theo đơn đề nghị các giấy tờ pháp lý chứng minh các sự thay đổi nêu trên;

+ Đối với bến thủy nội địa do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực của bến, thì hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm

2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

+ Đối với bến thủy nội địa được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 mà bị thất lạc hồ sơ thì chủ bến phải kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình bến, sơ đồ vùng nước, vùng đất của bến.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ bến thủy nội địa.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Lệ phí:** 100.000 đồng/lần.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT;

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---



**Mẫu số 11**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: ..... Số FAX .....

Làm đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa .....

Vị trí bến: từ km thứ ..... đến km thứ ..... trên bờ  
(phải hay trái) ..... sông (kênh) ..... thuộc xã  
(phường)....., huyện (quận) ..... tỉnh (thành phố): .....

Kết cấu, quy mô công trình bến: .....

Phương án khai thác .....

Bến được sử dụng để: .....

Phạm vi vùng đất sử dụng: .....

Phạm vi vùng nước sử dụng: .....

- Chiều dài: ..... mét, dọc theo bờ;

- Chiều rộng ..... mét, từ mép ngoài cầu bến trở ra sông.

Bến có khả năng tiếp nhận loại phương tiện thủy lớn nhất có kích thước .....

Lý do đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động: .....

Thời hạn xin hoạt động từ ngày ..... đến ngày .....

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Người làm đơn

**(Ký tên)**

**Ghi chú:** 1. Tên Sở Giao thông vận tải;

## **A2. NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

### **I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

**1. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý. Mã hồ sơ số: T-BPC-281011-TT**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*), sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở;

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận khi lập dự án và thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

+ Hồ sơ thiết kế trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ là thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin thỏa thuận xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

## PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ  
Giao thông Vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 201....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi ..... (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5.....)

( ...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

-Nhu trên;

.....;

- Lưu VT.

(...2....)  
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị**

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**2. Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý. Mã hồ sơ số: T-BPC-281012-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*), sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở;

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận gia hạn.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin gia hạn xây dựng các công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

## PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ  
Giao thông Vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 201....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(.. 2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...)

(.. 2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu VT.

(...2...)  
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ  
CỦA NGƯỜI KÝ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng  
dấu)



### **Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị**

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình, thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**3. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ đang khai thác được ủy thác quản lý. Mã hồ sơ số: T-BPC-281013-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*), sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở.

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị Cấp phép thi công các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ đang khai thác được ủy thác quản lý (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin cấp giấy phép thi công các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

## PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ  
Giao thông Vận tải)

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 201....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

#### **Cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: ..... (...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5.);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy

ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu VT.

(...2....)  
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

#### **4. Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý. Mã hồ sơ số: T-BPC-281014-TT**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*), sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở;

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Sở Giao thông Vận tải hoặc gửi qua đường Bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (*mẫu đơn, tờ khai đính kèm: Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải, giống TTHC số 01*);

+ Văn bản chấp thuận khi lập dự án và thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

+ Hồ sơ thiết kế trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 01***

---

**5. Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý. Mã hồ sơ số: T-BPC-281015-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*), sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở.

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ đang khai thác được ủy thác quản lý (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.



**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin cấp giấy phép thi công các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 02.***

---

**6. Chấp thuận xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương và quốc lộ được ủy thác đang khai thác. Mã hồ sơ số: T-BPC-281017-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*); sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở.

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận thi công các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ đang khai thác được ủy thác quản lý (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin chấp thuận xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 01.***

---

**7. Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương và quốc lộ được ủy thác đang khai thác. Mã hồ sơ số: T-BPC-281018-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*), sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở;

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường địa phương và quốc lộ đang khai thác được ủy thác quản lý (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thi công.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin cấp giấy phép thi công các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 03.***

---

**8. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương và quốc lộ được giao ủy thác đang khai thác. Mã hồ sơ số: T-BPC-281019-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*), sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở;

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

+ Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**i) Lệ phí:** Không.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

### PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ  
Giao thông Vận tải)

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

-----

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 201....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỐC LỘ ĐƯỢC ỦY THÁC QUẢN LÝ**

Chấp thuận xây dựng thiết kế và phương án tổ chức nút giao thông (...3...)

Kính gửi ..... (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

- (...5.....)

( ...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng, cấp giấy phép thi công xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình



thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

-Như trên;

.....;

- Lưu VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL13, địa phận tỉnh Bình Phước”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**9. Gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương và quốc lộ được giao ủy thác đang khai thác.  
Mã hồ sơ số: T-BPC-281020-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*); sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở;

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đầu nối vào Quốc lộ (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận gia hạn.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đầu nối vào Quốc lộ (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 02.**

---

## **10. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý. Mã hồ sơ số: T-BPC-281021-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*); sau đó nộp trực tiếp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải; gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải để được giải quyết thủ tục hành chính;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra:

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Nếu hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở.

+ Trường hợp nộp gián tiếp (qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác): Bộ phận 1 cửa hoặc văn thư tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn chấp thuận và tham mưu cho giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Thời gian có hiệu lực của văn bản:** Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký ban hành, nếu quá 12 tháng phải thực hiện việc gia hạn. Thủ

tục gia hạn như quy định đối với việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thi công.

**i) Lệ phí:** Không.

**j) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn xin Cấp phép thi công nút giao đầu nối (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.**

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 03.***

---

## **11. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với các dự án xây dựng công trình giao thông. Mã hồ sơ số: T-BPC-281022-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm Tờ trình (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **\* Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản pháp lý:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định dự án của Chủ đầu tư (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

+ Quyết định lựa chọn phương án thiết kế thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

+ Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

+ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

+ Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

+ Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

- Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- + Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- + Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi;
- + Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh;
- Hồ sơ năng lực của các nhà thầu tư vấn:
- + Thông tin năng lực của nhà thầu tư vấn khảo sát, nhà thầu lập dự án;
- + Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

\* **Số lượng hồ sơ:** 05 bộ, (ngoài ra, căn cứ vào quy mô của dự án mà Sở GTVT có thể yêu cầu chủ đầu tư cung cấp số lượng hồ sơ tương ứng để lấy ý kiến của các ngành khác có liên quan).

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm C; 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm B kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thông báo kết quả Thẩm định dự án đầu tư xây dựng;
- Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

**h) Lệ phí:** Lệ phí Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, tính theo tỷ lệ % của tổng mức đầu tư xây dựng công trình quy định tại Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Tờ trình đề nghị thẩm định dự án của chủ đầu tư (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ v/v hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---



**Phụ lục 1**

*(ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng)*

**TÊN TỔ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)**

- 1. Tên dự án: .....
- 2. Nhóm dự án: .....
- 3. Loại và cấp công trình: .....
- 4. Người quyết định đầu tư: .....
- 5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...): .....
- 6. Địa điểm xây dựng: .....
- 7. Giá trị tổng mức đầu tư: .....
- 8. Nguồn vốn đầu tư: .....
- 9. Thời gian thực hiện: .....
- 10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....
- 11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: .....
- 12. Các thông tin khác (nếu có): .....

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO**

- 1. Văn bản pháp lý:
  - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

## **12. Thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án xây dựng công trình giao thông. Mã hồ sơ số: T-BPC-281023-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm Tờ trình (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản pháp lý:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở của Chủ đầu tư (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

+ Quyết định lựa chọn phương án thiết kế thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

+ Quyết định lựa chọn nhà thầu thiết kế cơ sở;

+ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

+ Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

+ Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

- Tài liệu khảo sát, thiết kế cơ sở:

- + Hồ sơ báo cáo khảo sát phục vụ lập thiết kế cơ sở;
- + Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.
- Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

\* Số lượng hồ sơ: 05 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo kết quả Thẩm định thiết kế cơ sở.

**h) Lệ phí:** Lệ phí thẩm định thiết kế cơ sở, tính theo tỷ lệ % tổng mức đầu tư xây dựng công trình quy định tại Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ v/v hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 11.***

---

**13. Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng các công trình giao thông. Mã hồ sơ số: T-BPC-281024-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 13 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);, sau đó nộp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản đề tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ đến phòng tiếp nhận và trả kết quả tại Sở Giao thông Vận tải hoặc gửi qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (*Phụ lục 13 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);

+ Chủ trương đầu tư, văn bản phê duyệt nhiệm vụ thiết kế của cấp có thẩm quyền (bản photocopy); văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có); bản vẽ Quy hoạch được phê duyệt (nếu có, Photocopy có xác nhận của chủ đầu tư);

+ Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật (bản chính).

+ Các hồ sơ khảo sát xây dựng (bản chính).

+ Các hồ sơ tính toán khả năng chịu lực của công trình (bản chính, đối với công trình cầu).

+ Hồ sơ năng lực của nhà thầu khảo sát thiết kế; chứng chỉ hành nghề của chủ trì khảo sát, thiết kế (có đóng dấu xác nhận của chủ đầu tư)

+ Biên bản nghiệm thu hồ sơ khảo sát, hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kết quả thẩm định.

**h) Lệ phí:** Tính theo tỷ lệ % giá trị xây lắp theo Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng và Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ trình đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (*Phụ lục 13 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng;

- Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của UBND tỉnh Ban hành đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

---

**Phụ lục 13**

*(ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng)*

**CHỦ ĐẦU TƯ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 201....

**TỜ TRÌNH**

**THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

Công trình: .....

**Kính gửi: Sở Giao thông Vận tải.**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của UBND tỉnh Ban hành đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

*Chủ đầu tư* trình Sở GTVT thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

**I. Thông tin chung công trình:**

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:



8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

9. Các thông tin khác có liên quan:

## **II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, dự toán

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế BVTC bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách

3. Hồ sơ năng lực của nhà thầu, chứng chỉ hành nghề của chủ trì khảo sát, chủ trì thiết kế.

*Chủ đầu tư* trình Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo đúng quy định./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT

### **Chủ đầu tư**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**14. Thẩm định thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công - dự toán công trình.  
Mã hồ sơ số: T-BPC-281025-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ đến phòng tiếp nhận và trả kết quả tại Sở Giao thông Vận tải hoặc gửi qua đường Bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán (*Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);

+ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Kế hoạch vốn được giao, văn bản phê duyệt nhiệm vụ thiết kế của cấp có thẩm quyền (bản photocopy); văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có); bản vẽ Quy hoạch được phê duyệt (nếu có, Photocopy có xác nhận của chủ đầu tư);

+ Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư;

+ Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công và dự toán (bản chính).

+ Các hồ sơ khảo sát xây dựng (bản chính).

+ Các hồ sơ tính toán khả năng chịu lực của công trình (bản chính, đối với công trình cầu).

+ Hồ sơ năng lực của nhà thầu khảo sát thiết kế; chứng chỉ hành nghề của chủ trì khảo sát, thiết kế (có đóng dấu xác nhận của chủ đầu tư)

+ Biên bản nghiệm thu hồ sơ khảo sát, hồ sơ Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công và dự toán.

+ Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định trong hợp đồng.

+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan;

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III; 20 ngày làm việc đối với các công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kết quả thẩm định.

**h) Lệ phí:** Tính theo tỷ lệ % giá trị xây lắp theo Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :** Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán (*Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của UBND tỉnh Ban hành đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng;

***Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.***

**Phụ lục 14**

*(ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng)*

**CHỦ ĐẦU TƯ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm 201....

**TỜ TRÌNH**

**THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ KỸ THUẬT, BVTC – DỰ TOÁN, TỔNG DỰ TOÁN**

Công trình: .....

**Kính gửi: Sở Giao thông Vận tải.**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 của UBND tỉnh Ban hành đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư.....

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

*Chủ đầu tư* trình Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công – Dự toán xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

**I. Thông tin chung công trình:**

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan....

## **II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:**

1. Văn bản pháp lý:
  - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
  - Hồ sơ thiết kế cơ sở được duyệt cùng dự án ĐTXD;
  - Các văn bản pháp lý khác có liên quan;
2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, dự toán

.....

3. Hồ sơ năng lực của nhà thầu, chứng chỉ hành nghề của chủ trì khảo sát, chủ trì thiết kế.

*Chủ đầu tư* trình Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước thẩm định thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công – Dự toán xây dựng công trình để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo đúng quy định./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT

### **Chủ đầu tư**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**15. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ. Mã hồ sơ số: T-BPC-281026-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu làm đơn theo quy định (*Phụ lục 15, phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*), sau đó nộp toàn bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện;

- Bước 2: Bộ phận một cửa tiếp nhận, kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh bến xe hàng; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận một cửa của Sở.

- Bước 3: Bộ phận một cửa chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân đến bộ phận một cửa nhận kết quả thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ tại phòng tiếp nhận và trả kết quả tại Sở Giao thông Vận tải hoặc gửi qua đường Bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng (*Phụ lục 15, phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*);

+ Bản chụp giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký tạm thời (đối với phương tiện mới nhận) xe, đầu kéo, rơ moóc, sơ mi rơ moóc;

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận ( do nhà sản xuất gửi kèm theo xđ);

+ Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có), gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao ( D x Rx C ) tính bằng mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển.

Người đến làm thủ tục xin cấp Giấy phép lưu hành phải mang theo các bản chính của các bản chụp nêu trên để đối chiếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Thời gian xem xét cấp Giấy phép lưu hành không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kiểm định cầu, đường nhằm xác định khả năng để quy định điều kiện đi hoặc gia cố cầu, đường thì thời gian xem xét cấp không quá 02 ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm định của tổ chức tư vấn đủ tư cách hành nghề hoặc sau khi đã hoàn thành việc gia cố cầu, đường bảo đảm cho xe đi an toàn.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Lệ phí:** 30.000đồng/phương tiện/lần.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Một trong hai mẫu đơn tùy theo loại xe, cụ thể như sau:

- Đơn đề nghị Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn, xe vận chuyển siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (*Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*);

- Đơn đề nghị Cấp giấy phép lưu hành xe bán xích tự hành trên đường bộ (*Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*);

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13/8/2008 Giao thông đường bộ

- Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Quyết định số 3929/QĐ-BGTVT ngày 03/11/2015 của Bộ GTVT về việc đính chính Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp, và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

---

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**

## Phụ lục 15

(ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: ..... (Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành) .....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....

- Địa chỉ: .....Điện thoại: .....

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

<b>1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:</b>		
Thông số kỹ thuật	Đầu kéo hoặc xe thân liền	Rơ moóc/ Sơ mi rơ moóc RM/SMRM
Nhãn hiệu		
Biển số		
Số trục		
Khối lượng bản thân (tấn)		
Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)		
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)		
Khối lượng cho phép kéo theo (tấn)		
Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)		
<b>2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:</b>		
Loại hàng:		
Kích thước (D x R x C) m:	Tổng khối lượng (tấn):	
<b>3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe</b>		
Kích thước (D x R x C) m:	Hàng vượt phía trước thùng xe:	m
Hàng vượt hai bên thùng xe :m	Hàng vượt phía sau thùng xe:	m
Tổng khối lượng: tấn (gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng		



số người ngồi trên xe + khối lượng hàng)
<b>4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:</b>
Trục đơn: tấn
Cụm trục kép: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d=.....m
Cụm trục ba: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d=.....m

### 5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km.....): .....

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ..... đến .....

6. Cam kết của chủ phương tiện: về quyền sở hữu phương tiện và hàng hóa tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe.

*Ghi chú: Giấy đề nghị cấp phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe.*

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị  
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

## Phụ lục 16

(ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: ..... (Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành) .....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: .....
- Địa chỉ: .....  
..... Điện thoại: .....
- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích: .....
- Biển số đăng ký (nếu có): .....
- Trọng lượng bản thân xe: ..... (tấn)
- Kích thước của xe:
  - + Chiều dài: ..... (m)
  - + Chiều rộng: ..... (m)
  - + Chiều cao: ..... (m)
- Loại xích (nhọn hoặc bằng): .....
- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: ... (m)
- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: ..... (m)
- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km):.....
- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ..... đến .....

(Giấy đề nghị cấp phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)

....., ngày ... tháng ..... năm .....  
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị  
(Ký tên, đóng dấu)

## II. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

### 1. Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

**Mã hồ sơ số: T-BPC-281079-TT**

#### a). Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân đưa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là xe cơ giới) và các giấy tờ cần thiết đến Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 9301S Bình Phước

- Bước 2: Giải quyết TTHC:

+ Trung tâm đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới.

+ Trung tâm đăng kiểm cấp Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới đạt tiêu chuẩn hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân các hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng của xe cơ giới.

**b). Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 9301S Bình Phước.

#### c). Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Lập Hồ sơ phương tiện:

Việc lập Hồ sơ phương tiện được thực hiện trước khi xe cơ giới kiểm định lần đầu để tham gia giao thông. Khi đưa xe cơ giới đến trung tâm đăng kiểm để lập Hồ sơ phương tiện, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ; Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước; Bản sao có chứng thực quyết định tịch thu bán đấu giá của cấp

có thẩm quyền đối với xe cơ giới bị tịch thu bán đấu giá; Bản sao có chứng thực quyết định thanh lý đối với xe cơ giới của lực lượng quốc phòng, công an; Bản sao có chứng thực quyết định bán xe dự trữ Quốc gia.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

- Kiểm định tại trung tâm đăng kiểm:

Khi đưa xe cơ giới đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ và cung cấp các thông tin sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang cầm giữ; Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

+ Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d). Thời hạn giải quyết:** Trong ngày làm việc.

**e). Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**f). Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở giao thông vận tải Bình Phước .

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 9301S Bình Phước;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 9301S Bình Phước.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**g). Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới.

**h). Phí, lệ phí:**

- Phí kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành tính theo biểu phí quy định tại Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/08/2013.

<b>TT</b>	<b>Loại xe cơ giới</b>	<b>Mức phí</b>
1	Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô (xe ô tô đầu kéo + sơ mi rơ moóc), có trọng tải trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng	560
2	Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô (xe ô tô đầu kéo + sơ mi rơ moóc), có trọng tải trên 7 tấn đến 20 tấn và các loại máy kéo	350
3	Xe ô tô tải có trọng tải trên 2 tấn đến 7 tấn	320
4	Xe ô tô tải có trọng tải đến 2 tấn	280
5	Máy kéo bông sen, công nông và các loại phương tiện vận chuyển tương tự	180
6	Rơ moóc, sơ mi rơ moóc	180
7	Xe ô tô khách trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt	350
8	Xe ô tô khách từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe)	320
9	Xe ô tô khách từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe)	280
10	Xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương	240

- Lệ phí: 50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định quy định tại Quyết định số 102/2008/QĐ-BTC ngày 11/11/2008.

**k). Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có

**l). Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

**m). Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 102/2008/QĐ- BTC ngày 11/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải;

- Thông tư số 114/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng linh kiện, xe cơ giới và các loại thiết bị, xe máy chuyên dùng.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

### **I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

#### **1. Cấp mới giấy phép xe tập lái. Mã hồ sơ số: T-BPC-283831-TT**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo lái xe; nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để cơ sở đào tạo lái xe bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- Bước 4: Cơ sở đào tạo lái xe đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công tỉnh.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

##### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép tập lái.

**h) Lệ phí:** không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :**

Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Điều kiện xe tập lái:

- Có đủ xe tập lái các hạng tương ứng với lực lượng đào tạo ghi trong giấy phép đào tạo lái xe;

- Thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng;

- Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có dịch vụ sát hạch lái xe được sử dụng ô tô sát hạch để dạy lái với thời gian không quá 50% thời gian sử dụng xe vào mục đích sát hạch;

- Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

- Có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực;

- Có hệ thống phanh phụ bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe, kết cấu chắc chắn, thuận tiện, an toàn, bảo đảm hiệu quả phanh trong quá trình sử dụng;

- Thùng xe phải có mui che mưa, nắng và ghế ngồi chắc chắn cho người học;

- Hai bên cánh cửa hoặc hai bên thành xe phải có tên cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý trực tiếp và số điện thoại liên lạc theo mẫu quy định (*Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

- Xe ô tô phải có 02 biển “TẬP LÁI” theo mẫu quy định (*Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống TTHC số 27.**

---